TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BÌNH TÂN** **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 38/2023/HS-ST
Ngày: 30 - 6 - 2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH TÂN, TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Thanh Hùng

- Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Ngọc Đức

Ông Lê Ngọc Hải

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Thanh Điền - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hùng Duẩn - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 30/2023/TLST-HS ngày 30 tháng 5 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 33/2023/QĐXXST-HS ngày 12 tháng 6 năm 2023 đối với các bị cáo:

Bị cáo thứ nhất: **Lê Phước Đ**, sinh ngày 18/9/1989 tại huyện LV, tỉnh Đ. Nơi cư trú: Số 677/3, ấp ĐT, xã ĐH, huyện LV, tỉnh Đ; Nghề nghiệp: Mua bán; Trình độ học vấn: 6/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn P và bà Hồ Thị Đ; có vợ Võ Thị Bích N và con có một người, sinh năm 2011; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Tốt; Bị bắt tạm giữ ngày 12/02/2023, tạm giam từ ngày 15/02/2023, có mặt tại phiên tòa.

Bị cáo thứ hai: **Phan Trí V**, sinh ngày 29/01/2007 tại huyện LV, tỉnh Đ. Nơi cư trú: Số 435/3, ấp TT, xã TH, huyện LV, tỉnh Đ; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 5/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Cha không rõ họ tên và mẹ là bà Phan Ngọc H; chưa có vợ con; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Tốt; Bị bắt tạm giữ ngày 12/02/2023, tạm giam từ ngày 15/02/2023, có mặt tại phiên tòa.

Người đại diện hợp pháp của bị cáo Phan Trí V: Bà **Phan Ngọc H**, sinh năm 1983. Nơi cư trú: Số 88/5, khu phố 8, phường Tam H, thành phố BH, tỉnh Đ. (có mặt).

Người bào chữa cho bị cáo Phan Trí V: Ông **Nguyễn Quang D** - Trợ giúp viên pháp lý Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh V. (có mặt).

Bị cáo thứ ba: **Lê Phước L**, sinh ngày 12/02/1991 tại tỉnh Đ. Nơi cư trú: Số 252/3, ấp ĐT, xã ĐH, huyện LV, tỉnh Đ; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn T và bà Nguyễn Thị Bé S; chưa có vợ con; Tiền án: Không; tiền sự: 01 lần (Ngày 08/3/2023 bị Ủy ban nhân dân xã TH, huyện LV, tỉnh Đ xử phạt vi phạm hành chính số tiền 2.500.000 đồng về hành vi trộm cắp tài sản; Bị bắt tạm giam từ ngày 20/3/2023, có mặt tại phiên tòa.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án: Anh **Nguyễn Trí T**, sinh năm 1990. Nơi cư trú: Số 162/1, ấp TL, xã PH, huyện LV, tỉnh Đ. (xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào sáng ngày 12/02/2023, Lê Phước L đi đến nhà của bạn tên Phan Văn T, sinh năm 1996 cư trú tại ấp Tân T, xã Tân H, huyện LV, tỉnh Đ chơi thì gặp T và Đoàn Văn Duy K đang ngủ nên L nằm võng nghe nhạc ở nhà của T. Đến trưa cùng ngày Lê Phước Đ điều khiển xe đến nhà T thì gặp L, qua nói chuyện L biết được Đ chơi game qua mạng thắng tiền nên kêu Đ đi rút tiền 300.000 đồng để mua ma túy về sử dụng thì Đ đồng ý. Đ kêu T lấy xe điều khiển đi rút tiền, nhưng T không rút được tiền nên T điều khiển xe về nhà. Lúc này có Phan Trí V cũng đến nhà của T chơi thì K kêu Đ lấy điện thoại của Đ đi cầm lấy tiền mua ma túy về sử dụng chung nhưng Đ không đồng ý, nên L mới kêu lấy điện thoại của mình đem đến tiệm cầm đồ "Chánh Thức" ở ấp Tân L, xã Phong H, huyện LV, tỉnh Đ cầm với số tiền 500.000 đồng rồi lấy tiền này đi mua ma túy về sử dụng. Lúc này L mới kêu Đ điều khiển xe chở V đi cầm điện thoại. Trước khi đưa điện thoại cho V đem đi cầm, thì L điện thoại cho người đàn ông tên "Hải B" ở xã TB, huyện BT, tỉnh V để mua ma túy, rồi L nói với Đ sau khi cầm điện thoại có tiền thì điều khiển xe xuống gặp người tên "Hải B" ở xã TB, huyện BT, tỉnh V để mua ma túy.

Khi Đ điều khiển xe mô tô biển số 65M1 - 5265 chở V đi đến tiệm cầm đồ "Chánh Thức" rồi V đi vào trong tiệm cầm cái điện thoại của Đ với số tiền 600.000 đồng. Sau khi lấy được tiền thì V đưa tiền và biên nhận cầm đồ cho Đ cất giữ rồi Đ điều khiển xe chở V đến khu vực xã TB, huyện BT, tỉnh V gần nhà "Hải B" thì Đ và V gặp 01 người phụ nữ đeo khẩu trang (không rõ họ tên, địa chỉ), đưa cho Đ 01 bịch ma túy, rồi Đ trả cho người này số tiền 500.000 đồng. Sau khi mua ma túy xong Đ cầm ma túy trên tay trái rồi điều khiển xe chở V đi về nhà.

Trên đường đi đến khu vực tổ 10, ấp Tân Q, xã Tân B, huyện BT, tỉnh V thì bị Lực lượng Công an huyện BT, tỉnh V kiểm tra và phát hiện Đ đang cầm ma túy trên tay nên tiến hành lập biên bản bắt người phạm tội quả tang đối với Lê Phước Đ và Phan Trí V về hành vi Tàng trữ trái phép chất ma túy.

Tang vật thu giữ gồm có: 01 bịch nylon trong suốt màu trắng bên trong có chứa chất rắn màu trắng đã được niêm phong đúng theo quy định có chữ ký của Lê Phước Đ; 01 xe mô tô biển số 65M1 - 5265 đã qua sử dụng; 01 bật lửa hiệu Hoa Việt; 01 biên nhận cầm đồ của cửa hàng "Chánh Thức"; 01 điện thoại di động hiệu Realme màu xám và 01 điện thoại di động hiệu Realme C11 đã qua sử dụng và số tiền 100.000 đồng.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện BT tiến hành Test nhanh chất ma túy trong người Phan Trí V, Lê Phước Đ. Kết quả V, Đ đều dương tính với chất ma túy loại Methamphetamine.

Theo kết luận giám định số: 92 /KLGĐ-PC09 ngày 14/02/2023 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh V kết luận: "Mẫu tinh thể rắn màu trắng bên trong 01 bịch nylon được niêm phong trong phong bì gửi giám định là ma túy có khối lượng 0,4668 gam, loại Methamphetamine.

Xét thấy Lê Phước L lấy điện thoại di động của mình đưa cho Đ và V đi cầm để mua ma túy về sử dụng chung và bị bắt quả tang đã đủ yếu tố cấu thành tội phạm nên vào ngày 15/02/2023 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện BT, tỉnh V ra quyết định khởi tố vụ án, khởi tố bị can đối với Lê Phước Đ, Phan Trí V và Lê Phước L về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" và ra lệnh tạm giam để điều tra cho đến nay.

Quá trình điều tra cơ quan cảnh sát điều tra chứng minh được như sau:

- Đối với người phụ nữ bán ma túy cho Đ và V nhưng không biết được họ tên và địa chỉ ở đâu, Cơ quan điều tra chưa làm việc được, khi nào làm rõ sẽ xử lý sau.

- Đối với người tên Nguyễn Văn H, sinh năm 1980 (tên thường gọi Hải B) Cơ quan điều tra chưa chứng minh được hành vi mua bán trái phép chất ma túy, khi nào làm rõ sẽ xử lý sau.

- Đối với Đoàn Văn Duy K và Phan Văn T không có căn cứ chứng minh K và T đồng phạm giúp sức hay hùn tiền vào việc mua ma túy về sử dụng nên không có căn cứ xử lý.

Đối với 01 bịch nylon có chứa 0,3933 gam ma túy được hoàn lại sau giám định đề nghị tịch thu tiêu hủy.

- Đối với 01 bật lửa hiệu Hoa Việt, Đức dùng để sử dụng ma túy đề nghị tịch thu tiêu hủy.

- Đối với số tiền 100.000 đồng là của cá nhân Đ đề nghị trả lại cho Đ.

- Đối với anh Nguyễn Trí T là chủ cửa hàng cầm đồ "Chánh Thức" không yêu cầu Đ, V, L trả lại số tiền 600.000 đồng từ việc cầm điện thoại nên không đặt ra xem xét. Vì vậy, giấy biên nhận cầm điện thoại di động của cửa hàng "Chánh Thức" không còn giá trị nên lưu vào hồ sơ vụ án để làm chứng cứ.

- Đối với 01 điện thoại di động hiệu Realme C11 của L đem cầm lấy tiền mua ma túy sử dụng cần tịch thu sung vào Ngân sách nhà nước.

- Đối với xe mô tô biển số 65M1 - 5265 và 01 điện thoại di động hiệu Realme màu xám là của Đ sử dụng hàng ngày không liên quan đến việc phạm tội nên Cơ quan điều tra trả lại cho chị Võ Thị Ngọc B (là vợ của Đ) đã nhận lại xong.

Tại Cáo trạng số: 33/CT-VKSBT, ngày 29/5/2023 Viện kiểm sát nhân dân huyện BT, tỉnh V truy tố Lê Phước L, Phan Trí V, Lê Phước Đ về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" theo điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa, sau khi phân tích các yếu tố cấu thành tội phạm, tính chất, mức độ hành vi phạm tội, hậu quả, nhân thân của các bị cáo, năng lực trách nhiệm hình sự, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, Viện kiểm sát nhân dân huyện BT, tỉnh V vẫn giữ nguyên quyết định truy tố đối với các bị cáo Lê Phước L, Phan Trí V, Lê Phước Đ về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" theo điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) và đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố các bị cáo Lê Phước L, Phan Trí V, Lê Phước Đ phạm tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy".

Về hình phạt chính:

- Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm o khoản 1 Điều 52; Điều 17, Điều 38, Điều 58 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo Lê Phước L từ 01 năm 06 tháng tù đến 02 năm tù.

- Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17, Điều 38, Điều 58 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo Lê Phước Đ từ 01 năm 06 tháng tù đến 02 năm tù.

Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17, Điều 54, Điều 58, Điều 90, Điều 91, Điều 101 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo Phan Trí V từ 09 tháng tù đến 01 năm tù.

Về hình phạt bổ sung:

Căn cứ khoản 6 Điều 91 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo Phan Trí V.

Xét các bị cáo Lê Phước L, Lê Phước Đ có hoàn cảnh kinh tế khó khăn nên đề nghị Hội đồng xét xử miễn hình phạt bổ sung cho các bị cáo L và Đ.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47, 48 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2021).

Tịch thu tiêu hủy: 01 bịch nylon có chứa 0,3933 gam ma túy được hoàn lại sau giám định; 01 bật lửa hiệu Hoa Việt bị cáo Đ dùng để sử dụng ma túy.

Đối với 01 điện thoại di động hiệu Realme C11 của bị cáo L đem cầm lấy tiền mua ma túy sử dụng cần tịch thu sung vào Ngân sách nhà nước.

Anh Nguyễn Trí T là chủ cửa hàng cầm đồ "Chánh Thức" không yêu cầu các bị cáo Đ, V, L trả lại số tiền 600.000 đồng từ việc cầm điện thoại nên không đặt ra xem xét. Vì vậy, giấy biên nhận cầm điện thoại di động của cửa hàng "Chánh Thức" không còn giá trị nên lưu vào hồ sơ vụ án để làm chứng cứ.

Đối với số tiền 100.000 đồng là của cá nhân bị cáo Đ nên đề nghị trả lại cho bị cáo Đ, nhưng tạm giữ để đảm bảo việc thi hành án.

Đối với xe mô tô biển số 65M1 - 5265 và 01 điện thoại di động hiệu Realme màu xám là của bị cáo Đ sử dụng hàng ngày không liên quan đến việc phạm tội nên Cơ quan điều tra trả lại cho chị Võ Thị Ngọc B (là vợ của bị cáo Đ) đã nhận lại xong đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận không đặt ra xem xét giải quyết.

Đối với người phụ nữ bán ma túy cho bị cáo Đ và V nhưng không biết được họ tên và địa chỉ ở đâu, Cơ quan điều tra chưa làm việc được, khi nào làm rõ sẽ xử lý sau.

Đối với người tên Nguyễn Văn H, sinh năm 1980 (tên thường gọi Hải B), Cơ quan điều tra chưa chứng minh được hành vi mua bán trái phép chất ma túy, khi nào làm rõ sẽ xử lý sau.

Đối với Đoàn Văn Duy K, Phan Văn T không có căn cứ chứng minh K và T đồng phạm giúp sức hay hùn tiền vào việc mua ma túy về sử dụng nên không có căn cứ xử lý.

Về án phí hình sự sơ thẩm: Áp dụng khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH12 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Buộc các bị cáo Lê Phước L, Phan Trí V, Lê Phước Đ mỗi bị cáo nộp số tiền 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng).

Người bào chữa cho bị cáo Phan Trí V, ông Nguyễn Quang D trình bày: Thống nhất về tội danh và điều luật mà Viện kiểm sát nhân dân huyện BT đã truy tố, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ cho bị cáo V được hưởng. Sau khi phạm tội bị cáo đã thành khẩn khai báo, khi phạm tội bị cáo là người chưa thành niên, nhận thức pháp luật còn hạn chế nên việc xử lý người phạm tội dưới 18 tuổi chủ yếu nhằm giáo dục, giúp đỡ bị cáo sửa chữa sai lầm. Bị cáo phạm tội lần đầu, chưa có tiền án, tiền sự, do nghỉ học sớm thiếu sự quản lý từ gia đình, sống thiếu tình thương từ nhỏ do sinh ra không có cha, mẹ bị cáo đi làm xa, bị cáo ở nhà với ông bà ngoại, do bạn bè rủ ghê xúi dục nên bị cáo mới phạm tội. Vai trò của bị cáo V chỉ giúp sức lấy điện thoại đi cầm và đưa tiền cho bị cáo Đ mua ma túy về để sử dụng. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54, Điều 90, Điều 91, Điều 101; điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) xử phạt bị cáo V từ 09 tháng tù đến 01 năm tù và miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo V.

Người đại diện cho bị cáo Phan Trí V, bà Phan Ngọc H trình bày: Thống nhất theo lời trình bày của người bào chữa cho bị cáo V, không trình bày gì thêm.

Các bị cáo Phan Trí V, Lê Phước Đ, Lê Phước L thừa nhận hành vi phạm tội đúng như nội dung cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện BT, tỉnh V đã truy tố, các bị cáo thấy hành vi của mình là vi phạm pháp luật; bị cáo V thống nhất với lời bào chữa của vị trợ giúp viên pháp lý bào chữa cho bị cáo. Nói lời sau cùng các bị cáo Phan Trí V, Lê Phước Đ, Lê Phước L xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện BT, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện BT, tỉnh V, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục do Bộ luật tố tụng hình sự quy định. Qua quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo, người đại diện bị cáo và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do vậy, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

[2] Trong vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan xin vắng mặt tại phiên tòa, nhưng đã có lời khai tại Cơ quan điều tra. Xét thấy, việc vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không ảnh hưởng đến việc xét xử vụ án, nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử theo quy định tại Điều 292 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2021).

[3] Xét lời khai nhận của các bị cáo Lê Phước L, Phan Trí V, Lê Phước Đ tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo tại Cơ quan điều tra, biên bản xảy ra sự việc, vật chứng thu giữ được và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xem xét tại phiên tòa. Có đủ căn cứ xác định: Vào lúc 13 giờ 20 phút ngày 12/02/2023 lực lượng Công an huyện BT kết hợp với Công an xã TB tiến hành tuần tra, kiểm tra khu vực đường đal thuộc tổ 10, ấp Tân Q, xã Tân B, huyện BT, tỉnh V phát hiện bị cáo Lê Phước Đ và bị cáo Phan Trí V đang điều khiển xe mô tô biển số 65M1 - 5265 có biểu hiện tàng trữ trái phép chất ma túy nên tiến hành kiểm tra phát hiện trên tay bị cáo Lê Phước Đ có cầm 01 bịch ma túy nên Cơ quan điều tra tiến hành lập biên bản bắt người phạm tội quả tang.

Qua điều tra bị cáo Lê Phước L cũng thừa nhận có đưa điện thoại di động hiệu Realme C11 cho bị cáo V và bị cáo Đ đem đi cầm với số tiền 600.000 đồng để mua ma túy về để sử dụng, hành vi của bị cáo L là giúp sức về vật chất và tinh thần cho bị cáo Đ và bị cáo V nên hành vi của bị cáo L đồng phạm với việc phạm tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy".

Kết luận giám định ngày 14/02/2023 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh V, kết luận: "Mẫu tinh thể rắn màu trắng bên trong bịch nylon được niêm

phong trong phong bì gửi giám định là ma túy có khối lượng 0,4668 gam, loại Methamphetamine"

Như vậy, hành vi của các bị cáo Lê Phước L, Phan Trí V, Lê Phước Đ đã đủ yếu tố cấu thành tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy", tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Tội phạm các bị cáo thực hiện đã hoàn thành. Do vậy, Viện kiểm sát nhân dân Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long truy tố các bị cáo với tội danh cùng điều luật nêu trên là có căn cứ, hoàn toàn đúng người, đúng tội.

[4] Về tính chất, mức độ thực hiện hành vi phạm tội:

Tính chất vụ án là nghiêm trọng, hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy của các bị cáo Lê Phước L, Phan Trí V, Lê Phước Đ là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến chính sách độc quyền quản lý của Nhà nước về chất ma túy, xâm phạm đến trật tự an toàn xã hội tại địa phương. Ma túy là một loại độc dược gây nghiện, khi sử dụng sẽ làm cho con người bị lệ thuộc và mất đi nhân cách, là nguyên nhân gây ra sự suy thoái về đạo đức và cũng là nguyên nhân phát sinh các tội phạm khác. Các bị cáo đã nhận thức được tác hại của ma túy, vì để thỏa mãn cơn nghiện các bị cáo đã mua ma túy loại Methamphetamine để sử dụng. Hành vi của các bị cáo không những gây thiệt hại đến kinh tế gia đình, người thân và của chính các bị cáo mà còn làm ảnh hưởng đến sức khỏe các bị cáo và làm gia tăng tệ nạn xã hội. Do đó, các bị cáo Lê Phước Đ, Phan Trí V, Lê Phước L phải chịu trách nhiệm hình sự do hành vi của mình đã gây ra. Chính vì vậy, cần có một mức án tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo, bằng việc cách ly các bị cáo khỏi xã hội một thời gian nhằm răn đe, giáo dục đối với các bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

[5] Về vai trò của các bị cáo: Trong vụ án, các bị cáo phạm tội thuộc trường hợp đồng phạm giản đơn, vì các bị cáo không bàn bạc, phân công nhiệm vụ cụ thể, các bị cáo tự đến nhà của T chơi rồi nảy sinh ý định mua ma túy về sử dụng. Bị cáo Lê Phước L là người khởi xướng, rủ ghê các bị cáo khác mua ma túy về cùng sử dụng, bị cáo L mặc dù biết bị cáo V chưa đủ 18 tuổi nhưng vẫn lấy điện thoại di động của mình đưa cho bị cáo Đ và kêu bị cáo V đi cùng để cầm điện thoại lấy tiền mua ma túy sử dụng, hành vi của bị cáo L phạm vào tình tiết tăng nặng là xúi giục người dưới 18 tuổi phạm tội theo quy định tại điểm o khoản 2 Điều 52 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), nên hành vi của bị cáo L là nguy hiểm nhất nên phải chịu mức hình phạt cao hơn các bị cáo khác. Còn bị cáo Đ là người cùng bị cáo V đi cầm điện thoại, rồi lấy tiền và trực tiếp giao dịch mua ma túy về sử dụng nên hành vi của bị cáo Đ nguy hiểm hơn bị cáo V. Đối với bị cáo V chỉ là người giúp sức, lấy điện thoại đi cầm rồi lấy tiền đưa cho bị cáo Đ để mua ma túy, khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo là người chưa thành niên, nhận thức pháp luật còn hạn chế nên mức độ nguy hiểm thấp hơn bị báo L và bị cáo Đ.

Nhưng trước khi quyết định hình phạt cho các bị cáo Hội đồng xét xử cũng đã xem xét sau khi các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội cũng như trong quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đã thành khẩn khai báo nên được áp dụng để giảm nhẹ cho các bị cáo theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật

hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Riêng bị cáo Phan Trí V khi phạm tội chưa đủ 18 tuổi nên nhận thức pháp luật còn hạn chế. Do đó, khi quyết định hình phạt cũng cần xem xét, cân nhắc và áp dụng mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ, hậu quả, hành vi phạm tội của từng bị cáo đã thực hiện có xem xét đến tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, độ tuổi phạm tội và nhân thân của các bị cáo.

[6] Về hình phạt bổ sung:

Căn cứ khoản 6 Điều 91 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo Phan Trí V.

Xét thấy các bị cáo Lê Phước Đ, Lê Phước L là đối tượng nghiện ma túy, không có việc làm ổn định, hoàn cảnh kinh tế khó khăn nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền quy định tại khoản 5 Điều 249 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) đối với các bị cáo Đ, L.

[7] Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47, 48 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2021).

Tịch thu tiêu hủy: 01 bịch nylon có chứa 0,3933 gam ma túy được hoàn lại sau giám định; 01 bật lửa hiệu Hoa Việt.

Tịch thu sung vào Ngân sách nhà nước 01 điện thoại di động hiệu Realme C11 đã qua sử dụng.

Anh Nguyễn Trí T là chủ cửa hàng cầm đồ "Chánh Thức" không yêu cầu các bị cáo Đ, V, L trả lại số tiền 600.000 đồng từ việc cầm điện thoại nên không đặt ra xem xét. Vì vậy, giấy biên nhận cầm điện thoại di động của cửa hàng "Chánh Thức" không còn giá trị nên lưu vào hồ sơ vụ án để làm chứng cứ.

Đối với số tiền 100.000 đồng là của cá nhân bị cáo Đ nên trả lại cho bị cáo Đ.

Đối với xe mô tô biển số 65M1 - 5265 và 01 điện thoại di động hiệu Realme màu xám là của bị cáo Đ sử dụng hàng ngày không liên quan đến việc phạm tội nên Cơ quan điều tra trả lại cho chị Võ Thị Ngọc B (là vợ của bị cáo Đ) là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận và không đặt ra xem xét, giải quyết.

[8] Về các vấn đề khác:

Đối với người phụ nữ bán ma túy cho bị cáo Đ và bị cáo V nhưng không biết được họ tên và địa chỉ ở đâu, Cơ quan điều tra chưa làm việc được, khi nào làm rõ sẽ xử lý sau.

Đối với người tên Nguyễn Văn H, sinh năm 1980 (tên thường gọi Hải B), Cơ quan điều tra chưa chứng minh được hành vi mua bán trái phép chất ma túy, khi nào làm rõ sẽ xử lý sau.

Đối với Đoàn Văn Duy K, Phan Văn T không có căn cứ chứng minh K và T đồng phạm giúp sức hay hùn tiền vào việc mua ma túy về sử dụng nên không có căn cứ xử lý.

[9] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ và đúng theo quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[10] Xét lời bào chữa của vị trợ giúp viên pháp lý bào chữa cho bị cáo V là có căn cứ và đúng theo quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[11] Về án phí sơ thẩm: Áp dụng khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Điều 23 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH12 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án. Buộc các bị cáo Lê Phước Đ, Phan Trí V, Lê Phước L phải nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố các bị cáo Lê Phước Đ, Phan Trí V, Lê Phước L phạm tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy".

- Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm o khoản 1 Điều 52; Điều 17, Điều 38, Điều 58 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo Lê Phước L 02 (hai) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 20/3/2023.

- Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17, Điều 38, Điều 58 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo Lê Phước Đ 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 12/02/2023.

- Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17, Điều 54, Điều 58, Điều 90, Điều 91, Điều 98, Điều 101 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo Phan Trí V 09 (chín) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 12/02/2023.

Hình phạt bổ sung:

Căn cứ khoản 6 Điều 91 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo Phan Trí V.

Miễn hình phạt bổ sung cho các bị cáo Lê Phước Đ, Lê Phước L.

2. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47, 48 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2021).

Tịch thu tiêu hủy: 01 mẫu chất rắn màu trắng và vỏ bao gói để bên trong bao thư niêm phong số 92 được hoàn lại sau giám định (bên trong bao thư có 01 bịch nylon có chứa 0,3933 gam ma túy); 01 bật lửa hiệu Hoa Việt.

Tịch thu sung vào Ngân sách nhà nước 01 điện thoại di động hiệu Realme C11 đã qua sử dụng.

Lưu vào hồ sơ vụ án để làm chứng cứ giấy biên nhận cầm điện thoại di động của cửa hàng "Chánh Thức".

Trả lại cho bị cáo Lê Phước Đ số tiền 100.000 đồng, nhưng tạm giữ để đảm bảo việc thi hành án.

(Các vật chứng hiện đang được lưu giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 28/6/2023).

3. Về án phí hình sự sơ thẩm: Căn cứ khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Điều 23 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH12 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc các bị cáo Lê Phước Đ, Phan Trí V, Lê Phước L mỗi bị cáo nộp số tiền 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng).

4. Các bị cáo, người đại diện hợp pháp của bị cáo, người bào chữa cho bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 *(mười lăm)* ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Vĩnh Long (PKTNV và THA);
- VKSND tỉnh Vĩnh Long;
- Sở Tư pháp tỉnh Vĩnh Long;
- Công an tỉnh Vĩnh Long (Phòng hồ sơ lưu);
- VKSND huyện Bình Tân;
- Công an H.Bình Tân (CQTHAHS, CQĐT, NTG);
- Chi cục THADS huyện Bình Tân;
- Bị cáo, những người tham gia tố tụng;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Huỳnh Thanh Hùng